TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 164/2026/QĐST- HNGĐ	*Ninh Bình, ngày 04 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 134/2026/TLST- HNGĐ ngày 05/5/2026 về Xin ly hôn, nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 14/03/1983; CCCD số: 0371830051xx cấp ngày 28/5/2021 của Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Nơi đăng ký cư trú: xóm K, xã K, tỉnh Ninh Bình, nay là thôn K, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: xóm K, xã K, tỉnh Ninh Bình; nay là thôn Đ, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 25/3/1981; CCCD số: 0370810038xx ngày cấp 28/06/2021 của Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Nơi cư trú: xóm K, xã K, tỉnh Ninh Bình, nay là thôn K, xã K, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên thuận tình ly hôn.

Về con: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Văn Đ 03 con chung là Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 04/01/2007, cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 07/05/2012; cháu

Nguyễn Tuấn K sinh ngày 18/6/2017. Hiện nay cháu Kim A đã trưởng thành nên chị D và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn giao cháu N và cháu K cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Đ có nghĩa vụ dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/cháu/tháng, kể từ tháng 8/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

"Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

Về con riêng: Không ai có con riêng.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Văn Đ đều không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Văn Đ thống nhất thỏa thuận chị D nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Tổng cộng chị D phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại cơ quan thi hành án theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí BLTU/26 số 3334 ngày 29/4/2026.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu, tự nguyện và thỏa thuận thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình (1).*
- *VKSND khu vực 4- Ninh Bình (3).*
- *THADS tỉnh Ninh Bình. (1).*
- *UBND xã K;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy